

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST

Ngày 10-01-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Be;

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Lai và bà Thái Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/HSST-QĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

Lê Minh H, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1988, tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Văn L; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/01/2007, bị Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi gây rối trật tự công cộng (được xem là chưa bị xử lý vi phạm hành chính), ngày 18/10/2007 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 57/2007/HSST (đã được xóa án tích), ngày 10/6/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 53/2014/HSST (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 11/02/2022 đến ngày 07/9/2022 được áp dụng biện

pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và ngày 08/01/2023, bị bắt, tạm giam cho đến ngày. “có mặt”

Lê Minh T (Nóc), sinh năm 1983, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp T2, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Văn L; Bị cáo có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2022 cho đến nay. “có mặt”

Lê Minh T1 (Ty), sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Văn L; Bị cáo có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2022 cho đến nay. “có mặt”

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh H: Bà Nguyễn Thị Mai Q, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Bảo Minh Lý thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh “có mặt”;

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T: Ông Nguyễn Thế A, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Bảo Minh Lý thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh “có mặt”;

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T1: Ông Phạm Văn T, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Bảo Minh Lý thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh “có mặt”;

Bị hại:

Ông Nguyễn Văn Th (Sái), sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp T2, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh “có mặt”;

Bà Nguyễn Kim H1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp T2, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh “có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Văn Th: Ông Đinh Thái H1 và bà Quách Thị Phương Th, Luật sư Công ty Luật Bảo Nguyên Minh thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh “Luật sư H1 vắng mặt, Luật sư Th có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 10/02/2022, bà Nguyễn Kim H1, ông Nguyễn Văn Th (anh ruột của bà H1) và chị Nguyễn Thị Bích N (con của ông Th), cùng trú tại ấp T2, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đến nhà cô ruột của bà H1 là bà Trịnh Ngọc L1, sinh năm 1950, ngụ cùng ấp T2 để cúng đám giỗ cho

ông nội là ông Trịnh Văn Thơm do bà L1 cúng trước đây nhưng nay bà L1 đã chết và bà không có chồng, con. Do nhà của bà Liên không ai ở nên Lê Minh T (là cháu rể của bà L1) đến ở và trông coi nhà của bà L1. Tại đây, T khóa cửa nhà không cho bà H1 và ông Th vào bên trong cúng đám giỗ nên giữa T, bà H1, ông Th xảy ra mâu thuẫn xô xát với nhau. Sau đó, T đi ra phía trước cổng nhà bà Liên gọi điện thoại kêu Lê Minh H và Lê Minh T1 là em ruột của T mang mã tấu đến chém những người này rồi T điều khiển xe mô tô loại SH, màu trắng, biển số 70D1-241.83 đi về nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Dung K, sinh năm 1975, ngụ cùng ấp Thanh Hùng (cách nhà bà L1 khoảng 400 mét) để xe tại nhà bà Kim. Lúc này, H và T1 đang uống nước tại quán cà phê Hồng H2 thuộc ấp T2, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh, do bà Mai Hồng H, sinh năm 1980, ngụ khu phố Hiệp Thành, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là chủ quán, H ra phía sau quán chị H2 (gần quầy pha chế nước uống) lấy 01 con dao dài 42cm, lưỡi dao dài 27,8cm, bề rộng nhất 5cm, đầu mũi dao nhọn, cán dao làm bằng gỗ, dạng dao một lưỡi (của chị H2 dùng để chặt dừa bán) mang theo, T1 dùng xe mô tô Sirius màu đỏ đen, biển số 70P1-183.70 chở H chạy đi theo hướng đường bê tông trước quán chị H2 (hướng về nhà bà Kim cách khoảng 300 mét). Khoảng 10 phút sau, T1 chở H và T trên xe Sirius màu đỏ đen, biển số 70P1-183.70 chạy ngang quán nước của bà H2 đến nhà bà Liên (cách quán chị H2 khoảng 100 mét). Khi đến trước nhà bà Liên, T1 dừng xe trước cổng, T, H và T1 cùng xông vào nhà bà Liên, H cầm cây dao trên tay phải đi đến vị trí của ông Th đang đứng chém từ trên xuống, ông Th đưa tay trái lên đỡ bị thương tích ở cổ tay, T và T1 dùng tay, chân đánh vào người và mặt của bà H1, đánh vào mặt của chị Ngọc gây thương tích nhẹ. Bà H1 và ông Th nhặt gạch, đá trong sân nhà chọi về phía T, H và T1 làm trúng vào tay phải T, trúng vào lưng H gây thương tích nhẹ. Sau khi gây thương tích cho ông Th xong, T, H, T1 lên xe bỏ đi. Sau đó, H đến công an xã Thanh Điền đầu thú về hành vi phạm tội của mình và giao nộp cây dao.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 74 ngày 28/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: 01 vết sẹo mặt trước cổ tay trái, gồm 02 nhánh: nhánh dọc kích thước 10 x 0,3cm, nhánh ngang kích thước 2 x 0,1cm; đứt bó động mạch trụ tay trái, đứt hoàn toàn thần kinh giữa tay trái; Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn Th do thương tích gây nên hiện tại là 36%; Thương tích phù hợp do vật sắc gây ra, cơ chế hình thành thương tích là trực tiếp.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 73 ngày 28/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: 01 vết

xây xát biến đổi rối loạn sắc tố da trên sống mũi, kích thước 1,2cm x 0,2 cm; Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Kim H1 do thương tích gây nên hiện tại là 01%; không có cơ sở y học xác định thương tích do vật gì gây ra.

Tại Kết luận giám định số 291 ngày 11/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Vết màu nâu đỏ tại vị trí số 02, 03 ở hiện trường ghi thu bằng gạc y tế và vết màu nâu đỏ dính trên phần lưỡi dao, con dao dài 42cm, lưỡi dao dài 27,8cm, bề rộng nhất rộng 5cm, đầu mũi dao nhọn, cán dao làm bằng gỗ, dạng dao một lưỡi là máu, thuộc máu người, nhóm máu B, cùng nhóm với nhóm máu của ông Nguyễn Văn Th.

Chị Nguyễn Thị Bích Ngọc bị thương phần mềm không ảnh hưởng sức khỏe, không đi giám định.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lê Minh H, Lê Minh T, Lê Minh T1 thành khẩn khai báo về một số hành vi liên quan đến việc phạm tội của mình.

Kết quả thu giữ vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo H 01 con dao dài 42 cm, lưỡi dao dài 27,8 cm, bề rộng nhất rộng 05cm, đầu mũi dao nhọn, cán dao bằng gỗ, dạng dao một lưỡi (đã qua sử dụng) và thu giữ của bị cáo T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 PRO MAX, số Imei: 359481984912633.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn Th yêu cầu bồi thường số tiền 83.462.343 đồng, bị hại Nguyễn Kim H1 yêu cầu bồi thường số tiền 2.944.000 đồng, chị Nguyễn Thị Bích Ngọc không yêu cầu bồi thường. Hiện các bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 79/CT-VKSCT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Lê Minh H, Lê Minh T và Lê Minh T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Mặc dù các bị cáo không thừa nhận việc bị cáo T có gọi điện thoại cho bị cáo T1 và bị cáo H kêu mang mã tấu đến chém bị hại, đồng thời cũng không thừa nhận việc các bị cáo cùng đi chung một chiếc xe đến gặp bị hại, nhưng lời khai của những người làm chứng đều thể hiện có việc bị cáo T gọi điện thoại nói mang mã tấu đến chém bị hại, đồng thời các bị cáo cùng đi chung một chiếc xe đến gặp và đánh nhau với bị hại, lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tình tiết khác của vụ án. Mặt khác, các bị cáo cũng thừa nhận cùng có mặt tại trước công nhà bà Liên và cùng một lúc xông vào đánh các bị hại, điều này thể hiện các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm. Bị cáo H không có mâu thuẫn với bị hại nhưng đã dùng con dao dài 42 cm là hung khí nguy hiểm chém từ trên xuống trúng tay trái của ông Th gây ra thương

tích 36% là thể hiện tính chất côn đồ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự với 02 tình tiết định khung là dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh H từ 06 đến 07 năm tù; Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 05 năm đến 06 năm tù; Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh T1 từ 05 năm đến 06 năm tù; Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại và tuyên xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo:

Luật sư Q trình bày bào chữa cho bị cáo H: Bị cáo H đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, đối với tình tiết định khung là phạm tội có tính chất côn đồ và đồng phạm thì bị cáo H không đồng ý. Việc bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội là do bị cáo thấy anh bị cáo là bị cáo T bị đánh nên mới bênh vực. Mặt khác, hành vi của bị cáo H hoàn toàn độc lập với hành vi của bị cáo T và bị cáo T1 nên không có yếu tố đồng phạm trong vụ án này. Bị cáo thành khẩn khai báo, tự khai ra hành vi phạm tội của mình và tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho phía bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Luật sư Anh bào chữa cho bị cáo T: Bị cáo T không gọi điện thoại cho bị cáo H và bị cáo T1 đến chém bị hại, cũng không có chứng cứ thể hiện việc bị cáo T, bị cáo T1 và bị cáo H cùng đi chung một chiếc xe đến để chém bị hại. Những người làm chứng đều là người thân thích của bị hại nên lời khai của những người này không khách quan. Do đó, bị cáo T không đồng phạm với bị cáo H, hành vi của bị cáo T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T không phạm tội.

Luật sư Tình bào chữa cho bị cáo T1: Viện kiểm sát truy tố bị cáo T1 đồng phạm với bị cáo H với vai trò giúp sức là không đúng. Bị cáo T không gọi điện thoại cho H và T1 đến đánh nhau với bị hại, các bị cáo cũng không đi chung với nhau, lời khai của người làm chứng là không khách quan. Không có cơ sở xác định bị cáo T1 biết việc bị cáo H đi đánh nhau, hành vi của bị cáo T1 cũng không gây thương tích cho ai nên không đủ cơ sở xác định bị cáo T1 phạm tội cố ý gây thương tích.

Ý kiến của các bị cáo: Đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa. Đồng ý liên đới bồi thường theo tỷ lệ ngang nhau đối với số tiền phía ông Th yêu cầu là 83.462.343 đồng và số tiền phía bà H1 yêu cầu là 2.944.000 đồng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại và bị hại: Yêu

cầu các bị cáo bồi thường cho ông Th số tiền 83.462.343 đồng và bồi thường cho bà H1 số tiền 2.944.000 đồng. Về tội danh và mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật xử đúng người, đúng tội.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư, các bị cáo, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại và bị hại không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với kết luận giám định pháp y, lời khai của các bị cáo khác, lời khai của bị hại, của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định, ngày 10/02/2022 sau khi biết bị cáo T xảy ra xô xát với ông Th, bà H1, bị cáo H đã cầm con dao chặt dừa, kích thước dài 42cm, lưỡi dao dài 27,8cm, bề rộng nhất 5cm, đầu mũi dao nhọn, cán dao làm bằng gỗ, dạng dao một lưỡi là hung khí nguy hiểm, chém từ trên xuống trúng vào cổ tay trái của ông Th gây ra thương tích với tỷ lệ thương tật là 36%. Bị cáo không có mâu thuẫn với các bị hại. Theo lời khai của chính bị cáo T thì tại thời điểm bị cáo H gặp bị cáo T, bị cáo T không đang bị ông Th, bà H1 đánh, lời khai này của bị cáo T tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo T1, lời khai của người làm chứng và lời khai của bị hại. Như vậy có cơ sở xác định, bị cáo chỉ mới nghe việc bị cáo T bị đánh đã cầm dao đến chém bị hại là thể hiện tính côn đồ như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Người bào chữa của bị cáo cho rằng việc bị cáo thấy anh mình bị đánh nên bênh, do đó không phải là phạm tội có tính chất côn đồ là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Hành vi của bị cáo H đã cấu thành tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự với hai tình tiết định khung là dùng hung khí nguy hiểm và phạm tội có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm a và điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với bị cáo T1 cho rằng không biết việc bị cáo H cầm dao đi đánh

nhau. Tuy nhiên, bị cáo thừa nhận thời điểm bị cáo H lấy con dao tại quán cà phê Hồng H2, bị cáo cũng có mặt và việc bị cáo H lấy dao là công khai nên có đủ cơ sở xác định bị cáo T1 biết việc anh bị cáo là bị cáo T bị đánh, biết mục đích H cầm theo con dao là để đánh nhau, nhưng bị cáo vẫn đồng ý chờ bị cáo H đến gặp bị hại và cùng tham gia đánh nhau với bị hại, nên là đồng phạm với bị cáo H về tội cố ý gây thương tích, với vai trò giúp sức nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo H gây ra. Người bào chữa cho bị cáo T1 cho rằng, bị cáo không phạm tội do bị cáo không đồng phạm với bị cáo H, hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Lời bào chữa này của người bào chữa không phù hợp với những nội dung như đã nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Bị cáo T mặc dù không thừa nhận việc gọi điện kêu bị cáo H đưa mã tấu đến chém bị hại, cơ quan cảnh sát điều tra cũng không thu giữ được điện thoại của bị cáo T có thông tin liên quan đến cuộc gọi giữa bị cáo T và bị cáo H. Bị cáo cũng không thừa nhận việc đi chung xe với bị cáo H và bị cáo T1 khi đến hiện trường vụ án. Tuy nhiên, từ mâu thuẫn trong lời khai của chính bị cáo và lời khai của bị cáo với các bị cáo khác cho thấy lời trình bày của bị cáo không phù hợp với sự thật khách quan. Theo lời khai của bà Mai Hồng H2 là chủ quán cà phê Hồng H2 nơi bị cáo H và bị cáo T1 uống cà phê thì sau khi lấy con dao tại quán cà phê, H cùng T1 lên xe mô tô Sirius màu đỏ đen của T1 chạy vào con đường trước quán cà phê, khoảng 5 phút sau H và T1 chạy quay lại nhưng lúc này trên xe có 03 người gồm H, T1 và T chạy vào đường giáp bên hông quán cà phê hướng đến nhà bà Liên. Lời khai của bà H2 phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị Mỹ Vân và anh Nguyễn Minh Cảnh về việc trực tiếp nhìn thấy T, T1 và H đi cùng một xe mô tô đến nhà bà Liên. Mặc dù không thừa nhận việc gọi điện và đi cùng xe với bị cáo H, nhưng bị cáo T cũng thừa nhận, sau khi gặp nhau thì cả 3 bị cáo cùng vào đánh nhau với nhóm bị hại, trong đó H chém ông Th, còn bị cáo T và bị cáo T1 thì xô xát với bà H1 và chị Ngọc. Mặt khác, bị cáo T cũng thừa nhận khi cả ba bị cáo cùng đến gặp bị hại thì bị cáo cũng mong muốn bị cáo H và bị cáo T1 giúp bị cáo đánh bị hại do trước đó xảy ra xô xát bị cáo bị đánh nên bức tức (BL191). Như vậy có căn cứ xác định bị cáo T là nguyên nhân trực tiếp, thúc đẩy dẫn đến việc bị cáo H và bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội, nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo H và bị cáo T1 gây ra với tư cách là đồng phạm. Người bào chữa cho bị cáo T cho rằng bị cáo không phạm tội là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận

[5] Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố các bị cáo H, T và T1 về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[6.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng

xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn.

[6.2] Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có nhân thân xấu đã từng có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản và đã từng có một tiền sự về hành vi gây rối trật tự công cộng. Bị cáo thành khẩn khai báo và đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Người bào chữa cho bị cáo cho rằng, bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan công an trình báo nên được xem là tự thú, đồng thời tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho các bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét thấy, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị hại và người làm chứng biết, do biết không thể trốn tránh được nên đến cơ quan có thẩm quyền để trình diện nên được xem là đầu thú theo hướng dẫn tại mục 7 Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10 tháng 6 năm 2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ và là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nhưng chưa bồi thường nên không đủ điều kiện để được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 đối với bị cáo. Do đó, yêu cầu của người bào chữa là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6.3] Bị cáo T và bị cáo T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa có thành khẩn khai báo một số tình tiết liên quan của vụ án nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6.4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc trước. Trong đó, bị cáo H giữ vai trò chính, thương tích của ông Th là do hành vi của bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như hậu quả của từng bị cáo gây ra để quyết định hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Văn Th yêu cầu các bị cáo bồi thường 83.462.343 đồng, bà Nguyễn Kim H1 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 2.944.000 đồng. Các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường theo phần ngang nhau cho các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Con dao dài 42 cm, lưỡi dao dài 27,8 cm, bề rộng nhất 05cm, đầu mũi dao nhọn, cán dao bằng gỗ, dạng dao một lưỡi (đã qua sử dụng) là công cụ, phương

tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy.

Điện thoại di động, nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 PRO MAX, số Imei: 359481984912633 không phải là vật chứng của vụ án nên trả lại cho bị cáo T.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Lê Minh H, Lê Minh T và Lê Minh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 1.440.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Lê Minh H phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Lê Minh H **06** (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2023, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2022 đến ngày 07/9/2022.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Lê Minh T (Nóc) phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Lê Minh T (Nóc) **05** (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Lê Minh T1 (Ty) phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Lê Minh T1 (Ty) **05** (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 10 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Lê Minh H, Lê Minh T (Nóc), Lê Minh T1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn Th số tiền là 83.462.343 đồng đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Kim H1 số tiền là 2.944.000 đồng, trong đó các bị cáo H, T, Tiên mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông Th số tiền là 27.821.000 đồng và bồi thường cho bà H1 số tiền là 981.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy con dao dài 42 cm, lưỡi dao dài 27,8 cm, bề rộng nhất rộng 05cm, đầu mũi dao nhọn, cán dao bằng gỗ, dạng dao một lưỡi (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Lê Minh T (Nóc) điện thoại di động, nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 PRO MAX, số Imei: 359481984912633.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Lê Minh H, Lê Minh T và Lê Minh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 1.440.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án hình sự C.A huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương